

SCI

Số: 08.2020 /SCIEC - CBTT

(V/v: giải trình về lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày tháng năm 2020.

Kính gửi:

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 02433 868 243

Fax: 02433 868 243

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ SCI E&C

Mã chứng khoán: SCI

Công ty Cổ phần SCI E&C xin giải trình về lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ chênh lệch %
1	Doanh thu thuần	1.316.316.023.272	1.014.329.890.716	29,77
2	Giá vốn hàng bán	1.197.455.870.906	941.017.047.538	27,25
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	41.957.695.893	20.990.748.283	99,89

Nguyên nhân :

Tổng lợi nhuận sau thuế tăng do doanh thu thuần của Công ty tăng mạnh, đây là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng 99,89 % so với cùng kỳ năm trước.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT/NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Chính Đại

SCI

Số: 07.2020 /SCIEC - CBTT
(V/v: Báo cáo tài chính hợp nhất
đã được kiểm toán 2019)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày tháng năm 2020.

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Chính Đại – Giám đốc Công ty

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán 2019 của Công ty CP SCIE&C bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất; Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất; Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<https://www.sci-enc.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, TCHC

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT/NGƯỜI THỰC
HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Chính Đại

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-40

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Phúc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Nguyễn Chính Đại	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Nguyễn Công Hùng	Thành viên	
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên	
Ông Triệu Quang Hà	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 18/04/2019
Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Phan Thanh Hải	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Phan Thanh Hải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/07/2019

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 329 /BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI E&C

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1320-2018-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		835.088.458.057	754.750.907.176
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	84.416.304.159	66.177.086.019
1. Tiền	111		54.416.304.159	56.177.086.019
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	100.870.000.000	250.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		104.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.380.000.000)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		250.000.000	250.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		385.173.537.807	370.027.940.755
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	335.339.533.964	292.237.446.195
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	45.280.360.521	67.873.989.763
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	14.946.746.600	17.407.626.320
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.393.103.278)	(7.491.121.523)
IV. Hàng tồn kho	140	11	245.054.466.157	301.608.027.684
1. Hàng tồn kho	141		245.054.466.157	301.608.027.684
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.574.149.934	16.687.852.718
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	259.055.806	44.312.933
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.273.759.073	16.596.983.732
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	41.335.055	46.556.053
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		185.710.483.804	187.287.031.885
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.328.700.000	147.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	2.328.700.000	147.500.000
II. Tài sản cố định	220		161.474.571.577	151.657.734.527
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	134.043.926.941	151.575.234.531
- Nguyên giá	222		290.906.207.338	257.096.004.259
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.862.280.397)	(105.520.769.728)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	27.384.811.312	-
- Nguyên giá	225		31.683.615.818	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.298.804.506)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	45.833.324	82.499.996
- Nguyên giá	228		110.000.000	110.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.166.676)	(27.500.004)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.988.309.091	11.886.054.547
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.988.309.091	11.886.054.547
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	10.520.000.000	22.520.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.520.000.000	22.520.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		398.903.136	1.075.742.811
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	309.341.534	1.075.742.811
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34.a	89.561.602	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.020.798.941.861	942.037.939.061

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		822.736.896.580	784.925.959.741
I. Nợ ngắn hạn	310		753.285.097.453	743.118.117.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	81.319.023.048	183.650.646.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	209.521.006.096	248.078.460.920
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.414.082.786	4.218.563.586
4. Phải trả người lao động	314		17.279.460.842	24.968.111.291
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	9.803.930.696	5.024.318.952
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	81.423.401.258	26.568.339.390
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	349.113.269.554	249.001.383.916
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.410.923.173	1.608.293.241
II. Nợ dài hạn	330		69.451.799.127	41.807.842.399
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	569.232.073	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	67.532.567.054	41.807.842.399
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	1.350.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		198.062.045.281	157.111.979.320
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	198.062.045.281	157.111.979.320
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.999.680.000	109.999.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.999.680.000	109.999.950.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.560.557.541	9.560.557.541
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.501.807.740	37.551.471.779
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		25.544.111.847	16.560.723.496
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.957.695.893	20.990.748.283
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.020.798.941.861	942.037.939.061

Nguyễn Đức Duy
Người lập

Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2019

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.316.316.023.272	1.014.329.890.716
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.316.316.023.272	1.014.329.890.716
4. Giá vốn hàng bán	11	27	1.197.455.870.906	941.017.047.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		118.860.152.366	73.312.843.178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	13.211.606.547	4.469.529.593
7. Chi phí tài chính	22	29	42.167.818.653	23.288.585.124
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.325.464.980	23.118.893.339
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	35.670.504.033	28.789.927.315
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		54.233.436.227	25.703.860.332
12. Thu nhập khác	31	31	355.747.945	808.753.930
13. Chi phí khác	32	32	2.127.193.614	224.259.342
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.771.445.669)	584.494.588
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		52.461.990.558	26.288.354.920
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	10.593.856.267	5.297.606.637
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34.b	(89.561.602)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		41.957.695.893	20.990.748.283
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		41.957.695.893	20.990.748.283
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	3.468	2.099


Nguyễn Đức Duy
Người lập

Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.461.990.558	26.288.354.920
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		72.562.776.973	28.853.625.314
- Các khoản dự phòng	03		7.631.981.755	1.934.654.503
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(166.626.020)	(18.035.433)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.610.628.836)	(3.680.286.514)
- Chi phí lãi vay	06		34.325.464.980	23.118.893.339
14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		161.204.959.410	76.497.206.129
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.638.013.211)	(85.637.073.227)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		56.553.561.527	(59.470.328.770)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(88.712.385.292)	119.035.443.103
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		551.658.404	1.597.370.797
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(104.000.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33.778.287.126)	(23.141.230.962)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.439.135.690)	(2.587.785.057)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(205.000.000)	(196.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(44.462.641.978)	26.097.402.013
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(107.161.137.523)	(46.045.203.922)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		23.589.943.637	498.907.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(57.495.898.613)	(2.520.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		69.495.898.613	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.437.634.216	3.551.527.839
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(63.133.559.670)	(44.514.768.583)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		959.718.680.970	905.718.835.627
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(825.773.370.677)	(853.290.609.259)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(8.108.700.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		125.836.610.293	52.428.226.368

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

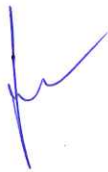
Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		18.240.408.645	34.010.859.798
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		66.177.086.019	32.166.855.093
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.190.505)	(628.872)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>84.416.304.159</u>	<u>66.177.086.019</u>


Nguyễn Đức Duy
Người lập

Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25/10/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.999.680.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 120.999.680.000 đồng; tương đương 12.099.968 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trụ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Ngành nghề kinh doanh (tiếp)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rơ le, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con: 02

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 02 công ty.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Lai Châu	100,00%	100,00%	Xây lắp
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung	Quảng Trị	100,00%	100,00%	Xây lắp

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán-hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 - 40 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |
| - Tài sản cố định khác | 03 - 05 năm |

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị

05 năm

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	3.953.498.092	2.883.108.954
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.462.806.067	53.293.977.065
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	10.000.000.000
	84.416.304.159	66.177.086.019

Tại 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 5,3% đến 5,5%/năm.

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Đầu tư dài hạn	10.520.000.000	10.520.000.000	22.520.000.000	22.520.000.000
Trái phiếu (*)	10.520.000.000	10.520.000.000	22.520.000.000	22.520.000.000
	10.770.000.000	10.770.000.000	22.770.000.000	22.770.000.000

Khoản đầu tư trái phiếu gồm:

- Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&MORE, số lượng 6 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 03 năm từ tháng 11/06/2018 đến tháng 11/06/2021; lãi trái phiếu thanh toán 2 lần/năm.
- Khoản đầu tư trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), số lượng 452 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 đồng/ trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu từ 21/12/2018 đến 21/12/2025.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu GEX	104.000.000.000	(3.380.000.000)	-	-
	104.000.000.000	(3.380.000.000)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần SCI	183.972.487.660	49.904.463.390
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà, Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	6.395.646.624	6.639.368.483
Công ty TNHH SCI Nghệ An	9.808.677.533	14.980.841.084
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	47.952.239.722	67.107.390.015
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX Ninh Thuận	42.230.542.536	121.039.547.059
Các khoản phải thu khách hàng khác	44.979.939.889	32.565.836.164
	335.339.533.964	292.237.446.195
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	83.342.148.344	64.885.304.474
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)</i>		

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Hải	3.645.175.000	-	4.887.337.816	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ D.N.T	2.470.599.999	-	2.470.599.999	-
Công ty CP ECOBA Việt Nam	5.726.516.118	-	5.726.516.118	-
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	-	-	13.565.200.000	-
Công ty Cổ phần TS Invest	-	-	7.963.717.340	-
Công ty Cổ phần ATZ ASIA	-	-	6.362.289.666	-
GCL System Integration Technology Pte.,Ltd	-	-	13.162.958.447	-
Voith Hydro Private Limited	9.945.602.089	-	2.063.910.703	-
Công ty CP Công trình ngầm Việt Nam - Xây dựng Thủy điện	3.073.510.293	-	-	-
Công ty CP đầu tư và xây dựng Tân Đông	6.500.000.000	-	-	-
Trả trước khác	13.918.957.022	-	11.671.459.674	-
	45.280.360.521	-	67.873.989.763	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**9 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	386.612.274	-	1.124.292.335	-
Phải thu người lao động	933.704.188	-	1.754.602.644	-
Tạm ứng	6.559.133.558	-	7.700.363.370	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	3.500.000	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	1.095.303	-	3.345.213.800	-
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ thuê tài chính	3.228.663.636	-	-	-
Phải thu khác	3.827.537.641	(383.541.210)	3.479.654.171	(383.541.210)
	14.946.746.600	(383.541.210)	17.407.626.320	(383.541.210)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	2.328.700.000	-	147.500.000	-
	2.328.700.000	-	147.500.000	-

10 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Xây lắp và Phát triển Thành Nam	6.248.083.094	-	6.248.083.094	1.874.424.928
Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	-	3.425.189.422	1.027.556.827
Đối tượng khác	719.830.762	-	719.830.762	-
	10.393.103.278	-	10.393.103.278	2.901.981.755

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	4.989.780.454	-
Nguyên liệu, vật liệu	34.083.478.417	-	49.568.035.260	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	210.970.987.740	-	247.050.211.970	-
	245.054.466.157	-	301.608.027.684	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Tại ngày 01/01/2019	11.221.128.927	170.757.655.003	74.305.387.958	675.832.371	136.000.000	257.096.004.259					
Mua sắm	-	49.409.208.788	26.787.155.646	178.902.727	-	76.375.267.161					
Thanh lý, nhượng bán	-	(33.164.936.317)	(9.400.127.765)	-	-	(42.565.064.082)					
Tại ngày 31/12/2019	11.221.128.927	187.001.927.474	91.692.415.839	854.735.098	136.000.000	290.906.207.338					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2019	7.077.001.137	61.735.042.179	36.226.061.811	478.131.269	4.533.332	105.520.769.728					
Trích khấu hao	280.528.224	43.406.000.686	24.249.058.653	237.318.248	54.399.984	68.227.305.795					
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.614.031.482)	(8.271.763.644)	-	-	(16.885.795.126)					
Tại ngày 31/12/2019	7.357.529.361	96.527.011.383	52.203.356.820	715.449.517	58.933.316	156.862.280.397					
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2019	4.144.127.790	109.022.612.824	38.079.326.147	197.701.102	131.466.668	151.575.234.531					
Tại ngày 31/12/2019	3.863.599.566	90.474.916.091	39.489.059.019	139.285.581	77.066.684	134.043.926.941					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 100.349.794.607 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.753.016.370 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-
Thuê tài chính	30.910.000.000	773.615.818	31.683.615.818
Tại ngày 31/12/2019	30.910.000.000	773.615.818	31.683.615.818
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-
Trích khấu hao	4.266.570.510	32.233.996	4.298.804.506
Tại ngày 31/12/2019	4.266.570.510	32.233.996	4.298.804.506
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	26.643.429.490	741.381.822	27.384.811.312

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2019	110.000.000	110.000.000
Tại ngày 31/12/2019	110.000.000	110.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2019	27.500.004	27.500.004
Trích khấu hao	36.666.672	36.666.672
Tại ngày 31/12/2019	64.166.676	64.166.676
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2019	82.499.996	82.499.996
Tại ngày 31/12/2019	45.833.324	45.833.324

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	20.577.588	4.865.278
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	238.478.218	39.447.655
	259.055.806	44.312.933
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	114.174.879	413.778.688
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	28.953.305
Chi phí mua bảo hiểm	175.048.039	434.895.400
Chi phí trả trước dài hạn khác	20.118.616	198.115.418
	309.341.534	1.075.742.811

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty Cổ phần SCI	508.370.878	508.370.878	16.150.533.357	16.150.533.357
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	2.257.450.231	2.257.450.231	9.632.822.297	9.632.822.297
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	928.730.400	928.730.400	7.625.390.000	7.625.390.000
Công ty TNHH Phát triển công nghiệp Tân Hoàng Mai	89.094.500	89.094.500	5.423.949.334	5.423.949.334
Voith Hydro Private Limited	814.488.690	814.488.690	10.704.816.303	10.704.816.303
Fujian Antai New Energy Tech Co.,Ltd	-	-	4.625.880.401	4.625.880.401
Furukawa Rock Drill Co.,Ltd	15.601.617.000	15.601.617.000	10.213.681.600	10.213.681.600
GCL System Intergration Technology Pte., Ltd	-	-	29.330.130.544	29.330.130.544
Công ty TNHH xây dựng Sơn Hải	3.366.848.136	3.366.848.136	8.955.390.373	8.955.390.373
Công ty CP CT Ngâm Việt Nam - XD Thủy điện	5.951.399.486	5.951.399.486	-	-
Các khoản phải trả khác	51.801.023.727	51.801.023.727	80.988.051.837	80.988.051.837
	81.319.023.048	81.319.023.048	183.650.646.046	183.650.646.046
Phải trả người bán là các bên liên quan	746.041.789	746.041.789	16.569.630.569	16.569.630.569

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	148.034.153.549	148.034.153.549	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	871.432.062	871.432.062	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.884.942.916	10.593.856.267	12.439.135.690	-	-	-	-	2.039.663.493	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	288.825.620	1.037.025.801	996.227.178	-	-	-	-	329.624.243	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	46.556.053	-	55.811.196	50.590.198	41.335.055	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	17.351.716	17.351.716	-	-	-	-	5.190.507	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.604.543	-	-	-	-	-	-	-	39.604.543
	46.556.053	4.218.563.586	160.609.630.591	162.408.890.393	41.335.055	2.414.082.786				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15.788.116.612	17.806.239.748
Công ty CP SCI Lai Châu	182.761.434.371	-
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX	396.602.607	219.300.578.059
Phải thu khách hàng khác	10.574.852.506	10.971.643.113
	209.521.006.096	248.078.460.920
Người mua trả tiền trước là các bên có liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)</i>	182.761.434.371	-

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	903.991.687	356.813.833
Trích trước chi phí các công trình	8.899.939.009	4.667.505.119
	9.803.930.696	5.024.318.952

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chênh lệch giá trị còn lại và giá thuê tài sản cố định thuê tài chính	569.232.073	-
	569.232.073	-

21 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	540.924.690	534.733.222
Bảo hiểm thất nghiệp	43.339.750	177.052
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	20.130.335.326	19.101.650.971
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	328.599.001	338.671.454
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	-	-
Công ty CP SCI E&C	1.446.068	-
Khoản Margin đầu tư chứng khoán	53.985.867.527	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.392.888.896	6.593.106.691
	81.423.401.258	26.568.339.390

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	226.030.706.524	226.030.706.524	875.162.982.250	781.308.874.954	319.884.813.820	319.884.813.820
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	196.392.064.585	196.392.064.585	716.728.381.599	632.003.916.253	281.116.529.931	281.116.529.931
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Anh ⁽²⁾	8.638.641.939	8.638.641.939	57.619.600.651	38.804.958.701	27.453.283.889	27.453.283.889
- Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex Ninh Thuận ⁽³⁾	21.000.000.000	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân ⁽⁴⁾	-	-	50.815.000.000	39.500.000.000	11.315.000.000	11.315.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	22.970.677.392	22.970.677.392	32.499.549.065	34.729.295.723	20.740.930.734	20.740.930.734
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁵⁾	17.701.303.392	17.701.303.392	26.844.972.013	27.695.792.710	16.850.482.695	16.850.482.695
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Anh ⁽⁶⁾	4.369.374.000	4.369.374.000	5.204.577.052	5.683.503.013	3.890.448.039	3.890.448.039
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽⁷⁾	900.000.000	900.000.000	450.000.000	1.350.000.000	-	-
Nợ thuế tài chính ngắn hạn	-	-	8.487.525.000	-	8.487.525.000	8.487.525.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST - CN Hà Nội ⁽⁸⁾	-	-	8.487.525.000	-	8.487.525.000	8.487.525.000
	249.001.383.916	249.001.383.916	916.150.056.315	816.038.170.677	349.113.269.554	349.113.269.554

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
Vay dài hạn	41.807.842.399	41.807.842.399	40.931.698.720	42.234.749.065	40.504.792.054	40.504.792.054	40.504.792.054
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁶⁾	30.048.390.912	30.048.390.912	36.416.778.720	34.640.172.013	31.824.997.619	31.824.997.619	31.824.997.619
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh ⁽⁶⁾	8.673.685.187	8.673.685.187	4.294.920.000	5.204.577.052	7.764.028.135	7.764.028.135	7.764.028.135
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽⁷⁾	3.085.766.300	3.085.766.300	220.000.000	2.390.000.000	915.766.300	915.766.300	915.766.300
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	43.624.000.000	16.596.225.000	27.027.775.000	27.027.775.000	27.027.775.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST - CN Hà Nội ⁽⁸⁾	-	-	43.624.000.000	16.596.225.000	27.027.775.000	27.027.775.000	27.027.775.000
	41.807.842.399	41.807.842.399	84.555.698.720	58.830.974.065	67.532.567.054	67.532.567.054	67.532.567.054

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 1.500.000.000.000 01/2019/283367/HETDHM ngày 31/05/2019	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/04/2020	281.116.529.931	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản	
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh Hợp đồng tín dụng số 50.000.000.000 18153/HMCV/HETD.DAH ngày 14/09/18 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số BS.01.18153/HM/HETD.DA	Lãi suất vay được quy định cụ thể cho từng hợp đồng	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động thi công, xây lắp công trình	Thời hạn cấp tín dụng đến 14/09/2019	27.453.283.889	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản	
3	Vay cá nhân				11.315.000.000		

Bao gồm các hợp đồng vay cá nhân là cán bộ nhân viên trong công ty với thời hạn từ 01 đến 05 tháng, lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,5%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn**

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HĐTĐ ngày 11/08/2015	11.470.014.114	03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	48.675.480.314	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTĐ ngày 05/06/2017	8.000.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1.588.235.290	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTĐ ngày 16/06/2017	642.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó thả nổi 03 tháng/lần	Mua ô tô Ford Ranger Wildtrak 3-2	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	3.320.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTĐ ngày 07/11/2017	20.847.629.925	Lãi suất cố định 10,5%/năm đến hết 31/12/2017, sau đó thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 2.2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	112.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/283367/HĐTĐ ngày 12/06/2018	17.278.800.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 30/09/2018, sau đó thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-4	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	12.396.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HĐTĐ ngày 27/03/2018	8.500.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 30/06/2018, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-2.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	7.483.759.904	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2018/283367/HĐTĐ ngày 26/12/2018	19.359.278.260	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 31/03/2019, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-5.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	5.206.948.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2019/283367/HĐTĐ ngày 30/10/2019	111.000.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 31/12/2019, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2019-1.1.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	11.359.278.260	Tài sản hình thành từ vốn vay
						7.209.258.860	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp theo)**

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/		Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019	Phương thức bảo đảm tiền vay
		Số tiền vay	Đơn vị tính					
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh						11.654.476.174	
	Hợp đồng vay số 15189/TH/HĐTĐ.DAH ngày 26/08/2015	882.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 03 tháng/lần		Mua tổ hợp 01 đầu kéo và 01 Somi Romóc	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	90.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 16135/TH/HĐTĐ.DAH ngày 30/05/2016	26.000.000.000	Trước 31/03/2017, áp dụng lãi suất cố định, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần		Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	3.727.967.687	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 17293/TH/HĐTĐ.DAH ngày 21/05/2018	22.638.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là: 9,2%/năm		Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	3.759.232.750	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng vay số 18153/TH/HĐTĐ.DAH ngày 14/09/2018	19.800.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là: 9,6%/năm		Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	4.077.275.737	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Tây Hà Nội						915.766.300	
	Hợp đồng vay số 01/2018-HDDCVDADDT/NHCT146-SCI E&C ngày 25/06/2018	9.500.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 01 tháng/lần		Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-1"	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	697.766.300	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Phụ lục 01 Hợp đồng vay số 01/2018-HDDCVDADDT/NHCT146-SCI E&C ngày 25/06/2018	4.435.766.300	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 01 tháng/lần		Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-1"	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	218.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản nợ thuế tài chính

7	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST-CN Hà Nội Hợp đồng thuê tài chính số 15.652.000.000 21719000076/HĐCTTC ngày 03/05/2019	Lãi suất thuê cố định 8,5%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Phục vụ thi công xây dựng	60 tháng kể từ ngày nhận nợ (03/05/2024)	35.515.300.000 14.086.800.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 13.892.400.000 21719000230/HĐCTTC ngày 28/10/2019	Lãi suất thuê cố định 8,5%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Phục vụ thi công xây dựng	48 tháng kể từ ngày nhận nợ (29/10/2023)	13.892.400.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 7.536.100.000 21719000327/HĐCTTC ngày 26/12/2019	Lãi suất thuê cố định 8,5%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Phục vụ thi công xây dựng	48 tháng kể từ ngày nhận nợ (31/12/2023)	7.536.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.350.000.000	-
	1.350.000.000	-

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018				
Tại ngày 01/01/2018	100.000.000.000	7.304.985.925	29.717.730.876	137.022.716.801
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	20.990.748.283	20.990.748.283
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	9.999.950.000	-	(9.999.950.000)	-
Phân phối lợi nhuận	-	2.255.571.616	(2.857.057.380)	(601.485.764)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	109.999.950.000	9.560.557.541	37.551.471.779	157.111.979.320
Năm 2019				
Tại ngày 01/01/2019	109.999.950.000	9.560.557.541	37.551.471.779	157.111.979.320
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	41.957.695.893	41.957.695.893
Phân phối lợi nhuận	-	-	(827.629.932)	(827.629.932)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	10.999.730.000	-	(10.999.730.000)	-
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	120.999.680.000	9.560.557.541	67.501.807.740	198.062.045.281

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	20.990.748.283
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,94%	827.629.932
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 10% vốn điều lệ)	52,40%	10.999.730.000
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	1,43%	300.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	42,23%	8.863.388.351

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2019 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần SCI	0,605	73.205.000.000	0,605	66.550.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	0,395	47.794.680.000	0,395	43.449.950.000
	100%	120.999.680.000	100%	109.999.950.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.999.680.000	100.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>109.999.950.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>10.999.730.000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>120.999.680.000</i>	<i>100.000.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.099.968	10.999.995
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.099.968	10.999.995
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.099.968</i>	<i>10.999.995</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.099.968	10.999.995
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.099.968</i>	<i>10.999.995</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	9.560.557.541
	9.560.557.541	9.560.557.541

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019	01/01/2019
Đồng đô la Mỹ (USD)	26.203,90	440,46

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	38.660.493.286	45.429.988.570
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.277.655.529.986	968.899.902.146
	1.316.316.023.272	1.014.329.890.716
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)</i>	348.859.154.268	378.869.696.547

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.292.050.758	44.771.902.788
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.163.163.820.148	896.245.144.750
	1.197.455.870.906	941.017.047.538

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.699.954.155	3.646.509.063
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	804.858.802	-
Lãi bán các khoản đầu tư	1.441.997.269	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.098.170.301	804.985.097
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	166.626.020	18.035.433
	13.211.606.547	4.469.529.593

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	34.325.464.980	23.118.893.339
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.462.353.673	169.041.785
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	3.380.000.000	-
Chi phí tài chính khác	-	650.000
	42.167.818.653	23.288.585.124

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.329.561.927	1.872.494.547
Chi phí nhân công	17.412.063.126	14.270.713.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.306.195.502	823.210.909
Thuế, phí, lệ phí	1.137.479.024	2.195.770.750
Chi phí dự phòng	2.901.981.755	1.934.654.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.612.512.707	4.855.482.752
Chi phí khác bằng tiền	2.970.709.992	2.837.599.863
	35.670.504.033	28.789.927.315

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	33.777.451
Tiền phạt thu được	-	772.815.679
Thu nhập khác	355.747.945	2.160.800
	355.747.945	808.753.930

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.089.325.319	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế	37.857.336	-
Chi phí khác	10.959	224.259.342
	2.127.193.614	224.259.342

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.461.990.558	26.288.354.920
Các khoản điều chỉnh tăng	37.857.336	199.678.265
- Chi phí không hợp lệ	37.857.336	199.678.265
Thu nhập tính thuế TNDN	52.499.847.894	26.488.033.185
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.593.856.267	5.297.606.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.884.942.916	1.175.121.336
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(12.439.135.690)	(2.587.785.057)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.039.663.493	3.884.942.916

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	89.561.602	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	89.561.602	-

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(89.561.602)	-
	(89.561.602)	-

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	41.957.695.893	20.990.748.283
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	41.957.695.893	20.990.748.283
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.099.968	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.468	2.099

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	675.480.543.719	536.819.533.268
Chi phí nhân công	157.977.146.612	171.211.523.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.562.776.973	28.826.125.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.206.828.868	202.139.592.302
Chi phí khác bằng tiền	10.662.082.874	57.265.887.332
	<u>1.177.889.379.046</u>	<u>996.262.662.062</u>

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.416.304.159	-	66.177.086.019	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	352.614.980.564	(10.393.103.278)	309.792.572.515	(7.491.121.523)
Đầu tư ngắn hạn	104.250.000.000	(3.380.000.000)	250.000.000	-
Đầu tư dài hạn	10.520.000.000	-	22.520.000.000	-
	<u>551.801.284.723</u>	<u>(13.773.103.278)</u>	<u>398.739.658.534</u>	<u>(7.491.121.523)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	416.645.836.608	290.809.226.315
Phải trả người bán, phải trả khác	162.742.424.306	210.218.985.436
Chi phí phải trả	9.803.930.696	5.024.318.952
	<u>589.192.191.610</u>	<u>506.052.530.703</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.416.304.159	-	-	84.416.304.159
Phải thu khách hàng, phải thu khác	339.893.177.286	2.328.700.000	-	342.221.877.286
Đầu tư ngắn hạn	100.870.000.000	-	-	100.870.000.000
Đầu tư dài hạn	-	10.520.000.000	-	10.520.000.000
	525.179.481.445	12.848.700.000	-	538.028.181.445
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.177.086.019	-	-	66.177.086.019
Phải thu khách hàng, phải thu khác	302.153.950.992	147.500.000	-	302.301.450.992
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	250.000.000
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	2.520.000.000	22.520.000.000
	368.581.037.011	20.147.500.000	2.520.000.000	391.248.537.011

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	349.113.269.554	67.532.567.054	-	416.645.836.608
Phải trả người bán, phải trả khác	162.742.424.306	-	-	162.742.424.306
Chi phí phải trả	9.803.930.696	-	-	9.803.930.696
	<u>521.659.624.556</u>	<u>67.532.567.054</u>	<u>-</u>	<u>589.192.191.610</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	249.001.383.916	41.807.842.399	-	290.809.226.315
Phải trả người bán, phải trả khác	210.218.985.436	-	-	210.218.985.436
Chi phí phải trả	5.024.318.952	-	-	5.024.318.952
	<u>464.244.688.304</u>	<u>41.807.842.399</u>	<u>-</u>	<u>506.052.530.703</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	<u>Lãnh thổ Việt Nam</u>	<u>Lãnh thổ nước ngoài</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	989.160.564.868	327.155.458.404	1.316.316.023.272
Tài sản bộ phận	670.291.517.295	350.507.424.566	1.020.798.941.861
Tổng chi phí mua TSCĐ	27.208.884.753	49.166.382.408	76.375.267.161

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	304.491.329.261	145.412.960.328
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	44.367.825.007	233.456.042.870
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	8.968.003.477	693.349
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	51.479.731.321	-
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	10.687.652.344	8.293.835.606
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	234.367.220	1.287.489.237
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	367.025.502	104.167.156

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	183.887.017.521	49.904.463.390
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	9.808.677.533	14.980.841.084
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	3.162.765.324	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	5.658.744.137	-
Ứng trước cho nhà cung cấp			
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	1.664.572.893	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	51.510.997	-
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	508.370.878	16.150.533.357
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	237.670.911	265.095.351
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	-	154.001.861
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	182.761.434.371	-
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	3.500.000.000	5.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.197.675.546	3.398.011.833

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).



Nguyễn Đức Duy
Người lập



Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

